

Số: 11/2022/NQ-HĐND

Bình Định, ngày 20 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao
và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bình Định
giai đoạn 2022 - 2025**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 6

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Viên
chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật
Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2017 của
Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất
sắc, cán bộ khoa học trẻ;*

*Xét Tờ trình số 94/TTr-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Bình Định về việc ban hành Quy định chính sách thu hút nguồn nhân
lực chất lượng cao và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bình Định giai đoạn
2022 – 2025; Báo cáo thẩm tra số 29/BC-PC ngày 07 tháng 7 năm 2022 của
Ban Pháp chế - Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng
nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chính sách thu hút
nguồn nhân lực chất lượng cao và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bình
Định giai đoạn 2022 - 2025.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Khóa XIII Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 30 tháng 7 năm 2022. /.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ (báo cáo);
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ; Tài chính, Lao động - TB&XH, Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- UBND tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh; ĐB HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, Đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp. *zh*

CHỦ TỊCH



anh
Hồ Quốc Dũng

QUY ĐỊNH

**Chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và hỗ trợ phát triển
nguồn nhân lực tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 – 2025**
(Kèm theo Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao được thực hiện đối với các cơ quan thuộc khối Đảng, chính quyền, Ủy ban mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ đối với nhân lực chất lượng cao và lao động tay nghề cao vào làm việc tại các đơn vị ngoài khu vực Nhà nước thuộc các lĩnh vực phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Định.

2. Trường hợp người được hỗ trợ quy định tại nhiều chính sách khác nhau với mức hỗ trợ khác nhau thì chỉ được hỗ trợ tại một chính sách với mức hỗ trợ cao nhất.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng áp dụng chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao

a) Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, nhà khoa học, chuyên gia trong nước và nước ngoài (có ít nhất 03 đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh trở lên được cơ quan có thẩm quyền công nhận) thuộc các ngành, lĩnh vực phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; trước mắt tập trung một số lĩnh vực: nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin và truyền thông, kỹ thuật công nghệ, công nghiệp công nghệ cao, trí tuệ nhân tạo, du lịch, phát triển đô thị, kiến trúc, quy hoạch, quản lý đô thị, các ngành kỹ thuật.

b) Sinh viên tốt nghiệp đại học đạt loại xuất sắc tại các cơ sở giáo dục đại học ở trong nước hoặc đạt loại giỏi trở lên tại các cơ sở giáo dục đại học ở nước ngoài được công nhận tương đương về văn bằng, chứng chỉ theo quy định của pháp luật, thạc sĩ đạt tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định 140/2017/NĐ-CP thuộc các ngành, lĩnh vực phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; trước mắt tập trung một số lĩnh vực: nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin và truyền thông, kỹ thuật công nghệ, công nghiệp công nghệ cao, trí tuệ nhân tạo, du lịch, phát triển đô thị, kiến trúc, quy hoạch, quản lý đô thị, các ngành kỹ thuật.

michon

c) Giáo viên trực tiếp bồi dưỡng học sinh đạt giải nhất các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, giải chính thức các kỳ thi học sinh giỏi khu vực, quốc tế; Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp trực tiếp đào tạo các sinh viên đạt giải nhất kỳ thi quốc gia, giải chính thức tại các kỳ thi khu vực, quốc tế; huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên đạt huy chương vàng tại Đại hội thể dục thể thao toàn quốc, đạt huy chương tại các giải thi đấu thể dục thể thao khu vực, quốc tế.

2. Đối tượng được hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực

Nhân lực chất lượng cao và lao động tay nghề cao tại các đơn vị ngoài khu vực Nhà nước thuộc các ngành, lĩnh vực phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt và công bố danh mục ngành nghề thu hút.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan, công bằng trong quá trình thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực.

2. Phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện, việc thực hiện phải đảm bảo đúng quy trình và thẩm quyền theo quy định.

3. Các lĩnh vực thu hút phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trước mắt tập trung một số lĩnh vực: nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin và truyền thông, kỹ thuật công nghệ, công nghiệp công nghệ cao, trí tuệ nhân tạo, du lịch, phát triển đô thị, kiến trúc, quy hoạch, quản lý đô thị, các ngành kỹ thuật.

Điều 4. Điều kiện, tiêu chuẩn

1. Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, sức khỏe tốt.

2. Đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn của chức danh công chức hoặc chức danh nghề nghiệp theo quy định hiện hành của Nhà nước (nếu là cán bộ, công chức, viên chức).

3. Đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật về tuyển dụng công chức, viên chức theo vị trí việc làm hoặc tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh lãnh đạo, quản lý cần thu hút.

4. Phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí thu hút.

5. Đơn Cam kết làm việc

a) Có Đơn cam kết làm việc tại các cơ quan, đơn vị của tỉnh ít nhất 10 năm đối với đối tượng tại khoản 1 Điều 2 Quy định này.

b) Có Đơn cam kết làm việc tại các đơn vị ngoài khu vực Nhà nước ít nhất 05 năm đối với đối tượng tại khoản 2 Điều 2 Quy định này.

6. Về tuổi đời: Các đối tượng được thu hút không quá 50 tuổi tại thời điểm được thu hút. Riêng các đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2

mkt

trong độ tuổi quy định tại Điều 1 Luật thanh niên tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự tuyển.

7. Không trong thời gian bị xem xét kỷ luật, thi hành kỷ luật hoặc không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 5. Hình thức thu hút, tuyển dụng

1. Tuyển dụng công chức, viên chức.
2. Xét tuyển đối với tiến sĩ, thạc sĩ, sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ.
3. Thi tuyển công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý.
4. Tiếp nhận các đối tượng là công chức, viên chức từ ngoài tỉnh về công tác tại tỉnh Bình Định.
5. Riêng đối với chuyên gia đầu ngành (trong nước và nước ngoài) và các đối tượng đặc thù khác trong một số lĩnh vực theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh thực hiện cơ chế thuê, hợp tác, tư vấn theo các Đề án, Chương trình, Kế hoạch cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 6. Xử lý vi phạm

1. Đối tượng được xét hưởng chính sách phải chịu trách nhiệm bồi thường gấp ba lần kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ một lần và hoàn trả toàn bộ các chế độ hỗ trợ về đất ở, nhà ở, thuê nhà ở tại Quy định này nếu vi phạm một trong các trường hợp sau đây:

- a) Không chấp hành sự phân công công tác của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.
- b) Liên tục 2 năm liền bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ.
- c) Đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời gian cam kết làm việc tại tỉnh.
- d) Tự ý bỏ việc trong thời gian cam kết.
- đ) Bị kỷ luật buộc thôi việc.

2. Đối tượng được xét hưởng chính sách vì lý do khách quan không làm việc đủ thời gian đã cam kết và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý, có trách nhiệm hoàn trả lại phần kinh phí đã được nhận hỗ trợ tại Quy định này tương ứng với số tháng chưa làm việc theo cam kết.

Cụ thể: Mức kinh phí hoàn trả = (tổng các mức hỗ trợ đã nhận ÷ số tháng cam kết làm việc) x (số tháng chưa làm việc theo cam kết).

3. Trường hợp đối tượng được hưởng chính sách bị đau ốm, tai nạn hoặc các nguyên nhân khách quan khác dẫn đến mất khả năng lao động, bị chết trong thời gian cam kết hưởng chính sách thì được miễn hoàn trả lại kinh phí đã hỗ trợ.



milan

Chương II
CHÍNH SÁCH THU HÚT NGUỒN NHÂN LỰC
CHẤT LƯỢNG CAO

Điều 7. Quyền lợi của người được thu hút

1. Hưởng chế độ thu hút một lần ngay sau khi về công tác.
2. Hỗ trợ thuê, mua nhà ở hoặc đất ở khi có nhu cầu thực tế.
3. Được cơ quan tiếp nhận ưu tiên bố trí công việc phù hợp với năng lực, sở trường, ngành nghề được đào tạo và tạo môi trường làm việc thuận lợi để hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Điều 8. Trách nhiệm của người được thu hút

1. Chấp hành sự phân công công tác của cơ quan có thẩm quyền.
2. Thực hiện đúng nội dung Đơn cam kết đã ký.
3. Chịu trách nhiệm bồi hoàn kinh phí khi vi phạm theo quy định.

Điều 9. Mức thu hút hỗ trợ bằng tiền

Các đối tượng thu hút đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn tại Điều 4 của Quy định này về làm việc tại các cơ quan, đơn vị của tỉnh thì được hỗ trợ bằng tiền một lần như sau:

STT	Đối tượng	Mức hỗ trợ một lần (triệu đồng/người)
1	Giáo sư	400
2	Phó Giáo sư	350
3	Tiến sĩ	300
4	Nhà khoa học, chuyên gia trong nước và nước ngoài theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Quy định này	250
5	Sinh viên tốt nghiệp đại học đạt loại xuất sắc tại các cơ sở giáo dục đại học ở trong nước hoặc đạt loại giỏi trở lên tại các cơ sở giáo dục đại học ở nước ngoài, thạc sĩ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Quy định này	150
6	Giáo viên, Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, huấn luyện viên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Quy định này	150

michan

Điều 10. Hỗ trợ thuê, mua nhà ở hoặc đất ở

1. Người được thu hút có nhu cầu nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc mua nhà ở trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ một lần như sau:

a) Người được thu hút là các đối tượng thuộc điểm a khoản 1 Điều 2 Quy định này được tỉnh hỗ trợ 400.000.000 đồng/người (*Bốn trăm triệu đồng/người*).

b) Người được thu hút là các đối tượng thuộc điểm b và c khoản 1 Điều 2 Quy định này được tỉnh hỗ trợ 200.000.000 đồng/người (*Hai trăm triệu đồng/người*).

2. Trường hợp người được thu hút về tỉnh chưa có chỗ ở, được tỉnh hỗ trợ tiền thuê nhà ở với mức không quá 3.000.000 đồng/tháng/người (*Ba triệu đồng/tháng/người*). Tổng kinh phí hỗ trợ thuê nhà không vượt quá mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này và sẽ được khấu trừ khi người được thu hút nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc mua nhà ở.

3. Người được thu hút nếu có nhu cầu mua, thuê nhà ở xã hội phải đảm bảo đối tượng và điều kiện theo quy định pháp luật nhà ở.

Chương III

HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Điều 11. Quyền lợi và trách nhiệm của người được hỗ trợ

1. Hỗ trợ thuê, mua nhà ở hoặc đất ở khi có nhu cầu thực tế.
2. Thực hiện đúng nội dung Đơn cam kết đã ký.
3. Chịu trách nhiệm bồi hoàn kinh phí khi vi phạm theo quy định.

Điều 12. Hỗ trợ về thuê, mua nhà ở hoặc đất ở

1. Người được hỗ trợ là các đối tượng tại khoản 2 Điều 2 của Quy định này có nhu cầu nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc mua nhà ở trên địa bàn tỉnh thì được tỉnh xem xét, hỗ trợ một lần 100.000.000 đồng/người (*Một trăm triệu đồng/người*).

2. Trường hợp người được hỗ trợ chưa có chỗ ở, được tỉnh xem xét, hỗ trợ tiền thuê nhà ở với mức không quá 2.000.000 đồng/tháng/người (*Hai triệu đồng/tháng/người*). Tổng kinh phí hỗ trợ thuê nhà không vượt quá mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này và sẽ được khấu trừ khi người được hỗ trợ nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc mua nhà ở.

Chương IV

KINH PHÍ THỰC HIỆN, ĐIỀU KHOẢN CHUYỂN TIẾP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Kinh phí thực hiện



Handwritten signature

1. Nguồn kinh phí

Kinh phí thực hiện Chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực theo Quy định này được bảo đảm chi từ nguồn ngân sách tỉnh và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Hình thức chi trả

a) Các cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao và các cơ quan liên quan có trách nhiệm chi thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực tại Chương II đối với các đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức.

b) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan có trách nhiệm chi thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực tại Chương III đối với các đối tượng là nhân lực chất lượng cao và lao động tay nghề cao.

3. Quyết toán kinh phí

Các cơ quan, đơn vị được phân bổ kinh phí để thực hiện chi trả chính sách theo Quy định này có trách nhiệm quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo đúng quy định chế độ tài chính hiện hành của Nhà nước và phân cấp quản lý ngân sách của tỉnh.

Điều 14. Điều khoản chuyển tiếp

Đến hết năm 2025, các đối tượng đang được hưởng chính sách thì sẽ tiếp tục được hỗ trợ cho đến hết thời gian cam kết theo Quy định này.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện có nội dung cần thiết điều chỉnh, bổ sung, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. /

